

Bản án số: 52/2023/HS-ST

Ngày: 21- 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Sỹ Ba
Ông Nguyễn Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh S - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đ diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/HSST ngày 31/7/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST - HS ngày 07/8/2023 đối với bị cáo:

Lê Thị Nam P - sinh năm 1978.

Nơi ĐKNKTT: phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang V (đã chết) và bà Lê Thị Bích N (đã chết); có chồng là Lê Ngọc P (đã ly hôn) và 02 con.

Nhân thân: Học hết lớp 12/12, từ năm 2000 đến năm 2020 công tác tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 15/01/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2023 đến ngày 28/5/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Đặng Ngọc Đ - sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Minh S - sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

*** Người làm chứng:**

- Anh Lê Công Tuấn A - sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Nam P từng là cán bộ Văn phòng của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; ngày 15/01/2020 P bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 5 năm; đến tháng 3 năm 2020 P nghỉ việc tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Ngày 08/01/2022 anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1989 ở xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đang là bị can trong vụ án đánh bạc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương thụ lý. Do có nhân thân xấu nên tháng 2 năm 2022 anh Đ nhờ anh họ là Lê Minh S, sinh năm 1982 ở phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tìm người lo án treo cho mình. S liên hệ với P là bạn của S, do quen biết từ trước nên S biết Lê Thị Nam P làm công tác Văn phòng ở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa; S không biết thời điểm tháng 2/2022 P đã nghỉ việc. Anh S nói với P “*Em có đưa em bị Công an huyện Quảng Xương bắt về tội đánh bạc sắp xét xử chị có lo được án treo cho nó không*”, P trả lời “*bảo em của em liên lạc với chị để chị xem sự việc thế nào rồi chị giúp*”. Sau đó anh S đưa số điện thoại của P cho anh Đ, anh Đ gọi điện cho P trình bày “*cháu là em anh S, năm 2015 cháu bị Công an tỉnh Thanh Hóa bắt về tội Đánh bạc và xử án treo đã được xóa án tích, nay cháu tiếp tục bị Công an huyện Quảng Xương bắt về tội Đánh bạc đang được tại ngoại chờ xét xử, cháu nghe anh S nói cô đang làm ở Tòa án tỉnh nên bảo cháu gọi điện nhờ cô lo giúp cho cháu án treo được không*”, P nói với anh Đ: “*Cô sẽ lo án treo cho cháu nhưng cháu phải kháng cáo xử phúc thẩm*”, anh Đ hỏi “*Việc của cháu cô lo hết bao nhiêu tiền để cháu chuẩn bị*”, P trả lời: “*có gì cô báo sau*” rồi tắt máy. Qua nói chuyện P biết anh Đ đang có nhân thân xấu không thể được hưởng án treo, tuy nhiên do đang cần tiền trả nợ và tiêu

xài cá nhân nên P nói dối lo được án treo cho anh Đ, mục đích để lừa lấy tiền của anh Đ. P liên lạc với anh Đ nói *“chi phí chạy án hết 180.000.000đ”*, và bảo anh Đ chuyển tiền qua S để anh S chuyển khoản cho P. Do tin tưởng những lời P nói là thật nên anh Đ đã chuyển khoản thông qua tài khoản của anh S 03 lần, với tổng số tiền 150.000.000đ để anh S chuyển lại vào số tài khoản 50110000125898 của P mở tại ngân hàng BIDV. Cụ thể: Ngày 04/3/2022 chuyển số tiền 100.000.000đ; Ngày 14/3/2022 chuyển 40.000.000đ; Ngày 17/3/2023 chuyển 10.000.000đ. Số tiền còn lại 30.000.000đ anh Đ trực tiếp chuyển khoản 5.000.000đ từ tài khoản cá nhân 3519205208070 mở tại ngân hàng Nông nghiệp vào số tài khoản của P; 25.000.000đ còn lại anh Đ chuyển thông qua số tài khoản 260396999 mở tại ngân hàng MB của anh Lê Công Tuấn A (là em họ của Đ) vào ngày 08/4/2022 vào số tài khoản của Lê Thị Nam P. Sau khi nhận đủ số tiền 180.000.000đ; P nói với anh Đ *“bây giờ cháu cứ để tòa Quảng Xương xử bình thường đi, sau khi xử xong cháu làm thủ tục kháng cáo phúc thẩm lên tỉnh rồi cô lo cho treo”*. Ngày 15/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử sơ thẩm tuyên phạt anh Đ 08 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”, sau đó anh Đ thông báo cho P biết, P hướng dẫn Đ viết đơn kháng cáo để xử phúc thẩm, Đ làm theo lời hướng dẫn của P. Ngày 21/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa phúc thẩm tuyên y án 08 tháng tù giam đối với anh Đ. Sau khi xét xử xong, Đ đến gặp P hỏi: *“Tại sao cô nhận tiền của cháu hứa lo chạy án treo mà cho cháu mà cô chạy án kiểu gì để cháu bị xử 08 tháng án giam”*. Lúc này P mới thú nhận không lo được án treo cho Đ, số tiền Đ chuyển P đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, P xin được trả lại cho Đ sau. Ngày 25/11/2022 anh Đ và anh S đến nhà hỏi tiền thì P khát nợ và viết cho anh Đ 01 giấy viết tay nội dung đã nhận của anh Đ 180.000.000đ để chạy án, hẹn đến 26/12/2022 sẽ trả lại tiền cho anh Đ. Sau đó anh Đ đi chấp hành án, đến tháng 01 năm 2023 P chuyển khoản cho anh S 25.000.000đ nhờ trả lại cho anh Đ. Số tiền 155.000.000đ P không trả được nên ngày 22/5/2023 anh Đ làm đơn tố cáo P về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Do biết không che giấu được hành vi của mình nên ngày 25/5/2023, Lê Thị Nam P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đầu thú khai báo hành vi phạm tội của mình.

Theo báo cáo của anh Đặng Ngọc Đ: Tháng 11 năm 2021 anh bị Công an huyện Quảng Xương bắt quả tang về hành vi đánh bạc, do anh Đ có nhân thân xấu năm 2015 cũng đã bị xét xử về hành vi đánh bạc nên anh Đ muốn tìm người lo chạy án treo. Thông qua anh Lê Minh S giới thiệu Lê Thị Nam P đang làm ở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa có thể lo án treo được nên anh Đ đã liên hệ với P để nhờ P giúp, sau khi trao đổi P đồng ý giúp, yêu cầu anh Đ lo chi phí chạy án treo là 180.000.000đ, anh Đ đã chuyển đủ số tiền 180.000.000đ như yêu cầu

của P. Ngày 21/10/2022 anh Đ bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 08 tháng tù giam, P không lo được án treo như đã hứa, lúc này anh Đ biết mình bị lừa và yêu cầu P phải trả lại tiền. Tổng số tiền Lê Thị Nam P chiếm đoạt của anh Đặng Ngọc Đ là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Trong vụ án này có hành vi của Lê Minh S, Lê Công Tuấn Anh chuyển tiền cho P giúp Đ, tuy nhiên cả S và Tuấn Anh không biết việc P lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không được hưởng lợi gì từ P. Vì vậy Lê Minh S, Lê Công Tuấn A không đồng phạm với Lê Thị Nam P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với hành vi của Lê Minh S liên hệ với Lê Thị Nam P để giúp Đặng Ngọc Đ được hưởng án treo, tuy nhiên thực tế P không có khả năng giúp anh Đ như đã hứa, việc P hứa sẽ lo được án treo cho anh Đ chỉ nhằm mục đích làm anh S và Đ tin tưởng để chiếm đoạt số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), vì vậy cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với hành vi của Lê Minh S là phù hợp.

Bị cáo Lê Thị Nam P bồi thường cho anh Đặng Ngọc Đ số tiền 25.000.000đ đã chiếm đoạt, số tiền 155.000.000đ còn lại anh Đ yêu cầu P phải trả lại cho anh.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone X, Lê Thị Nam P sử dụng để liên lạc với anh Đ và anh S, trên điện thoại có đăng ký tài khoản Banking ngân hàng BIDV số tài khoản 50110000125898 nhằm thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên P khai báo chiếc điện thoại trên đã bị mất nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 60/CT - VKSQX ngày 28/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo Lê Thị Nam P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của BLHS. Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục b, mục 1.3, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Nam P từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 24/2020/HSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 60 đến 66 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/5/2023.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Nam P bồi thường cho anh Đặng Ngọc Đ số tiền chiếm đoạt là 155.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Do thiếu tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên Lê Thị Nam P đã nảy sinh ý định nhận lo chạy án treo cho anh Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1989 ở xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Do trước đây P từng làm công tác lưu trữ hồ sơ tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, (năm 2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tháng 3 năm 2020 P nghỉ việc). Mặc dù biết anh Đ có nhân thân xấu không thể được hưởng án treo, nhưng P nói dối là lo án treo được làm anh Đ tin tưởng. Sau đó anh Đ đã chuyển tiền vào tài khoản của Lê Thị Nam P, tổng số tiền Lê Thị Nam P chiếm đoạt của anh Đặng Ngọc Đ là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của Lê Thị Nam P đủ yếu tố cấu thành tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Lê Thị Nam P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Lợi dụng sự tin tưởng của bị hại, Lê Thị Nam P đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Đặng Ngọc Đ số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an trong xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 24/2020/HSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa; đang trong thời gian thử thách của án treo, bị cáo lại phạm tội mới, nên hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo sẽ chuyển thành 30 tháng tù giam. Vì vậy căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tổng hợp hình phạt của bản án này với mức hình phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của của bản án số 24/2020/HSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa để ấn định hình phạt chung đối với bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đang có 01 tiền án về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại; sau khi phạm tội ra đầu thú; bản thân bị cáo thời gian công tác tại Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh tặng giấy khen (năm 2016, 2017). Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Thị Nam P đã bồi thường cho anh Đặng Ngọc Đ số tiền 25.000.000đ đã chiếm đoạt. Số tiền chiếm đoạt còn lại là 155.000.000đ, buộc bị cáo Lê Thị Nam P phải bồi thường tiếp cho anh Đặng Ngọc Đ.

[6] Trong vụ án này có hành vi của Lê Minh S, Lê Công Tuấn Anh chuyển tiền cho P giúp Đ, tuy nhiên cả S và Tuấn A không biết việc P lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không được hưởng lợi gì từ P. Vì vậy Lê Minh S, Lê Công Tuấn A không đồng phạm với Lê Thị Nam P về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với hành vi của Lê Minh S liên hệ với Lê Thị Nam P để giúp Đặng Ngọc Đ được hưởng án treo, tuy nhiên thực tế P không có khả năng giúp anh Đ như đã hứa, việc P hứa sẽ lo được án treo cho anh Đ chỉ nhằm mục đích làm anh S và anh Đ tin tưởng để chiếm đoạt số tiền 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), vì vậy cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với hành vi của Lê Minh S là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone X, Lê Thị Nam P sử dụng để liên lạc với anh Đ và anh S, trên điện thoại có đăng ký tài khoản Banking ngân hàng BIDV số tài khoản 50110000125898 nhằm thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên P khai báo chiếc điện thoại trên đã bị mất nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục b, mục 1.3, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Nam P phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Nam P 30 (*Ba mươi*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 24/2020/HSST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 60 (*Sáu mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/5/2023.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Nam P bồi thường cho anh Đ số tiền chiếm đoạt là 155.000.000đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Về án phí: Bị cáo Lê Thị Nam P phải nộp 200.000đ án phí HSST và 7.750.000đ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

